

Lý thuyết và chính sách thương mại quốc tế

Nền kinh tế chính trị của chính sách thương mại

James Riedel

Chính phủ nên can thiệp khi nào?

Can thiệp khi nào?

1. Khi có thất bại thị trường (ngoại tác)
2. Khi có những mục tiêu phi kinh tế

Thất bại thị trường là gì?

1. TBTT xảy ra khi có sự tách biệt về chi phí/lợi ích biên của xã hội và của tư nhân trong sản xuất, tiêu dùng và thương mại.
2. Ngoại tác có thể tích cực hoặc tiêu cực:
 - Ngoại tác tích cực là khi cân bằng thị trường đi kèm với sản lượng thấp, tiêu dùng thấp, hoặc thương mại quá ít.
 - Ngoại tác tiêu cực là khi cân bằng thị trường đi kèm với sản lượng quá mức, tiêu dùng quá mức, hoặc thương mại quá nhiều.

Chính phủ can thiệp như thế nào?

Can thiệp như thế nào?

1. Tùy vào dạng thất bại thị trường (ví dụ là ngoại tác sản xuất, tiêu dùng hay thương mại)
2. Nếu sự can thiệp có động cơ phi kinh tế, loại hình can thiệp chính sách phụ thuộc vào loại mục tiêu phi kinh tế đó (ví dụ sản xuất, tiêu dùng hay thương mại)

Can thiệp như thế nào?

Công cụ chính sách Tốt nhất đầu tiên là phải phù hợp với dạng ngoại tác: như biện pháp sản xuất cho ngoại tác sản xuất.

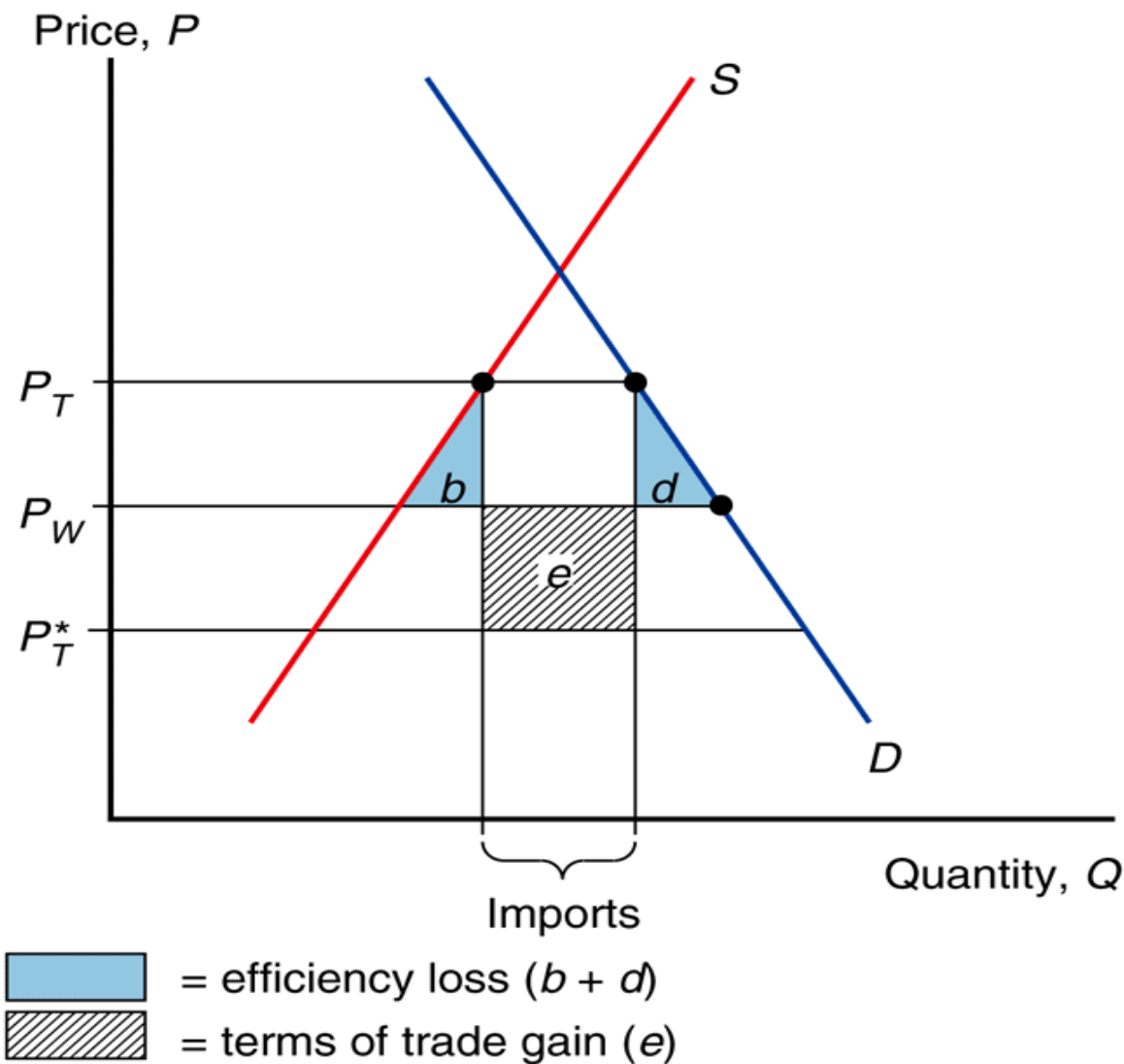
1. Nếu một thất bại thị trường được đối phó bằng biện pháp Tốt nhất đầu tiên, thì phúc lợi sẽ cải thiện rõ rệt.
2. Nếu được xử lý bằng biện pháp tốt nhất thứ hai, thì tác động phúc lợi không rõ ràng, có thể tăng hoặc giảm.

Động cơ can thiệp của chính phủ

Khu vực	Thất bại thị trường Ngoại tác		Mục tiêu phi kinh tế	Thất bại chính sách
	<i>Tiêu cực</i>	<i>Tích cực</i>		
Sản xuất	<u>Ô nhiễm</u> $SMC > PMC$	<u>Đào tạo trên công việc</u> $SMC < PMC$	<u>Quốc phòng</u> Sản xuất nhiều hàng X	<u>Sản xuất</u> Thuế/trợ cấp
Tiêu dùng	<u>Thuốc lá/rượu</u> $SMB < PMB$	<u>Giáo dục</u> $SMB > PMB$	<u>Văn hóa</u> Tiêu dùng nhiều hàng y	<u>Tiêu dùng</u> Thuế/trợ cấp
Thương mại	<u>Xuất khẩu</u> $MR^X < P^X$	<u>Nhập khẩu</u> $MC^M > P^M$	<u>Tự cung tự cấp</u> Giảm nhập khẩu hàng Z	Thuế quan và hạn ngạch

Ngoại tác thương mại: Tỷ lệ thương mại từ thuế quan ở nước lớn

- Nhớ lại, với nước “lớn”, thuế quan làm giảm giá nhập khẩu trên thị trường thế giới và tạo ra lợi ích từ tỷ lệ thương mại.
 - Lợi ích này có thể cao hơn tổn thất, do sự biến dạng trong sản xuất và tiêu dùng gây ra.
- Một khoản thuế quan nhỏ sẽ dẫn đến gia tăng phúc lợi quốc gia đối với nước lớn.
 - Nhưng ở một số thuế suất nhất định, phúc lợi quốc gia sẽ bắt đầu giảm khi tổn thất hiệu quả kinh tế vượt qua lợi ích từ tỷ lệ trao đổi thương mại.



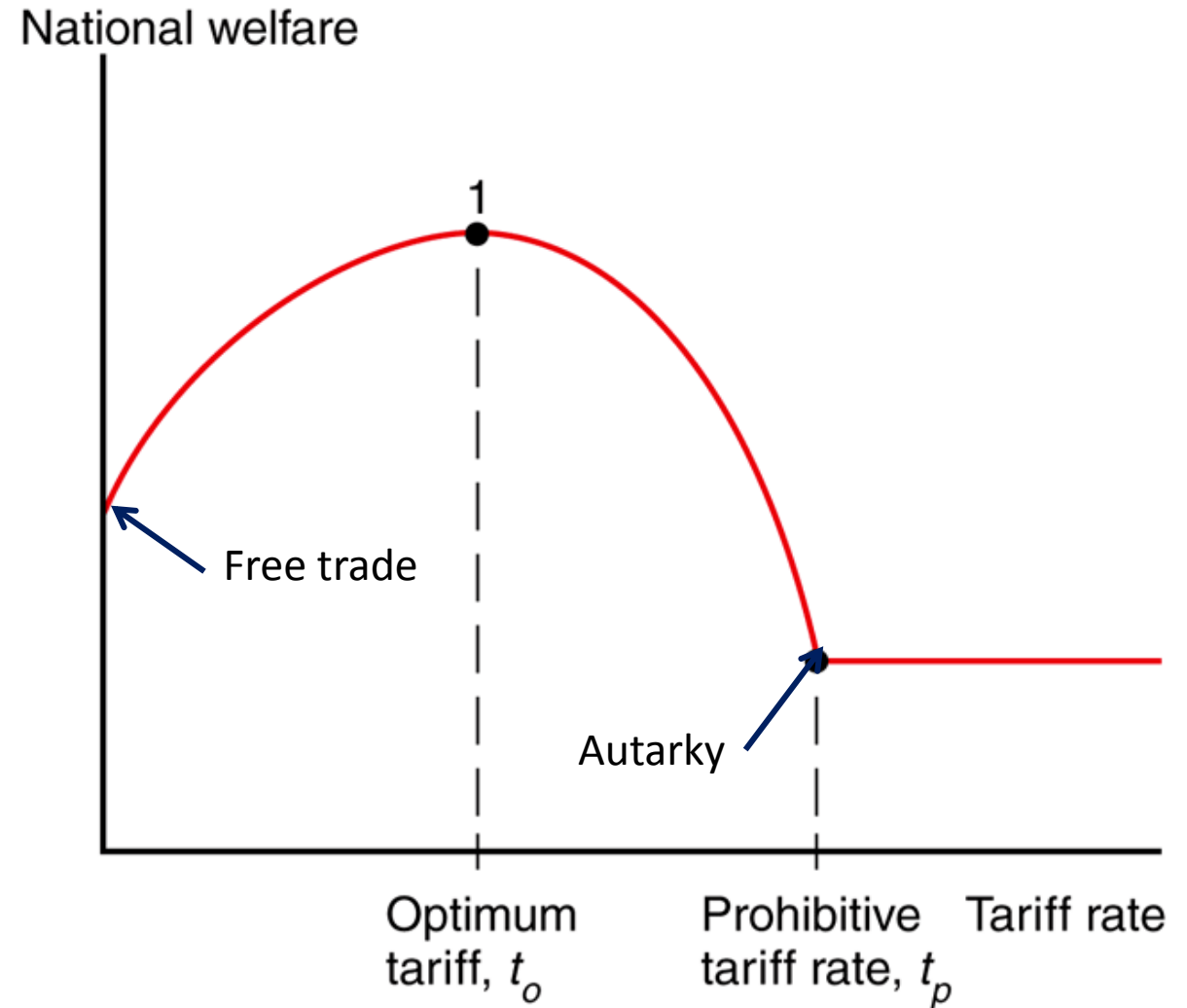
Ngoại tác Thương mại: Thuế quan tối ưu

Ghi chú: khi t tăng

- Tổn thất hiệu quả tăng
- Thuế suất tăng
- Cơ sở thuế (mức nhập khẩu) giảm

Do đó,

- Từ thuế quan zero, phúc lợi tăng,
- Nhưng với suất sinh lợi giảm dần
- Và đạt cực đại trước khi hàng nhập khẩu đạt mức zero (tự cung tự cấp)



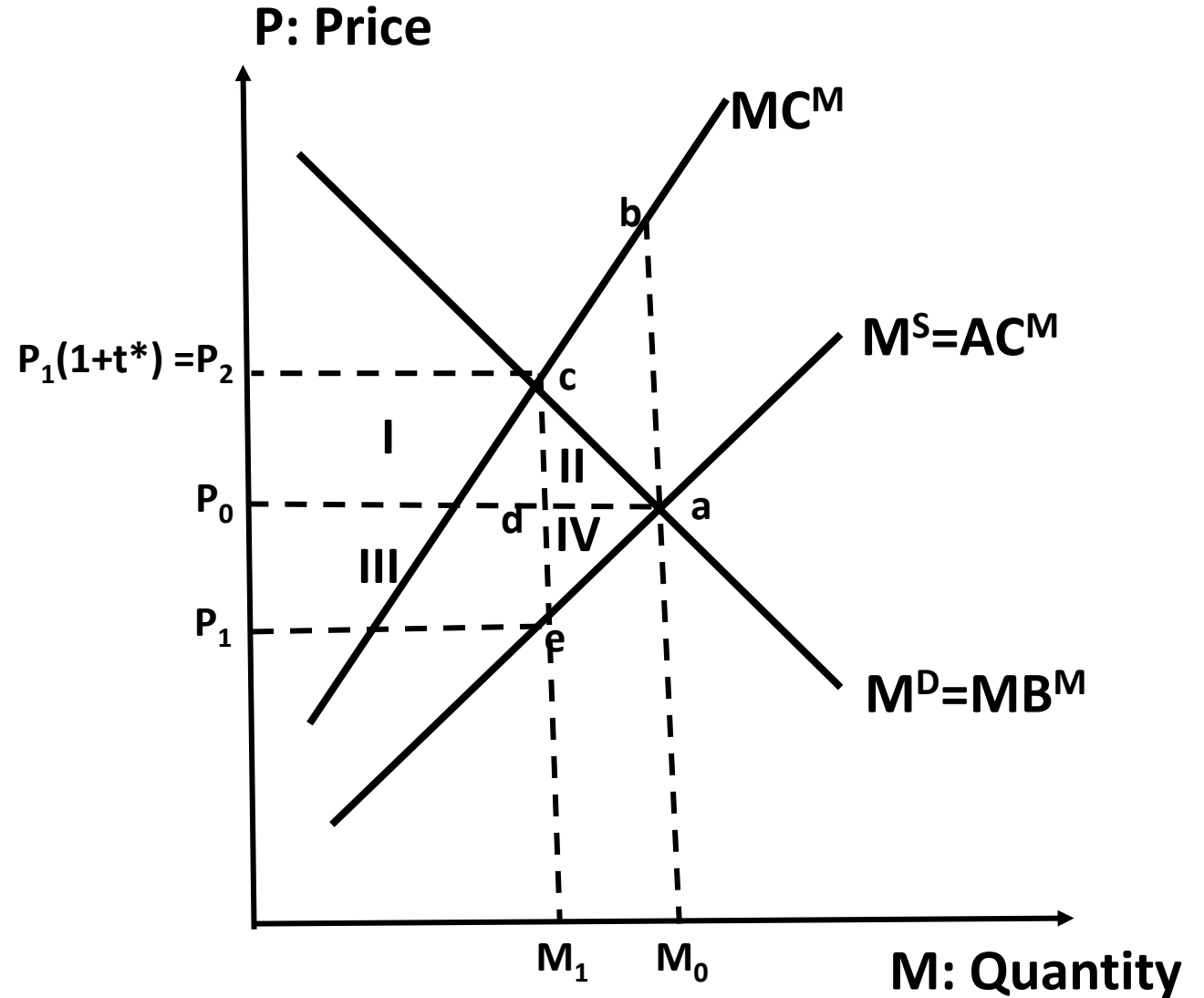
Ngoại tác thương mại: thuế quan tối ưu

Khi có thương mại tự do

- $M=M_0$, $P=P_0$
- $MC^M > AC^M = M^D = MB^M$
- Phúc lợi tổn thất từ sản phẩm nhập khẩu sau cùng là (ab). Tổn thất $M > M_1 =$ (abc)

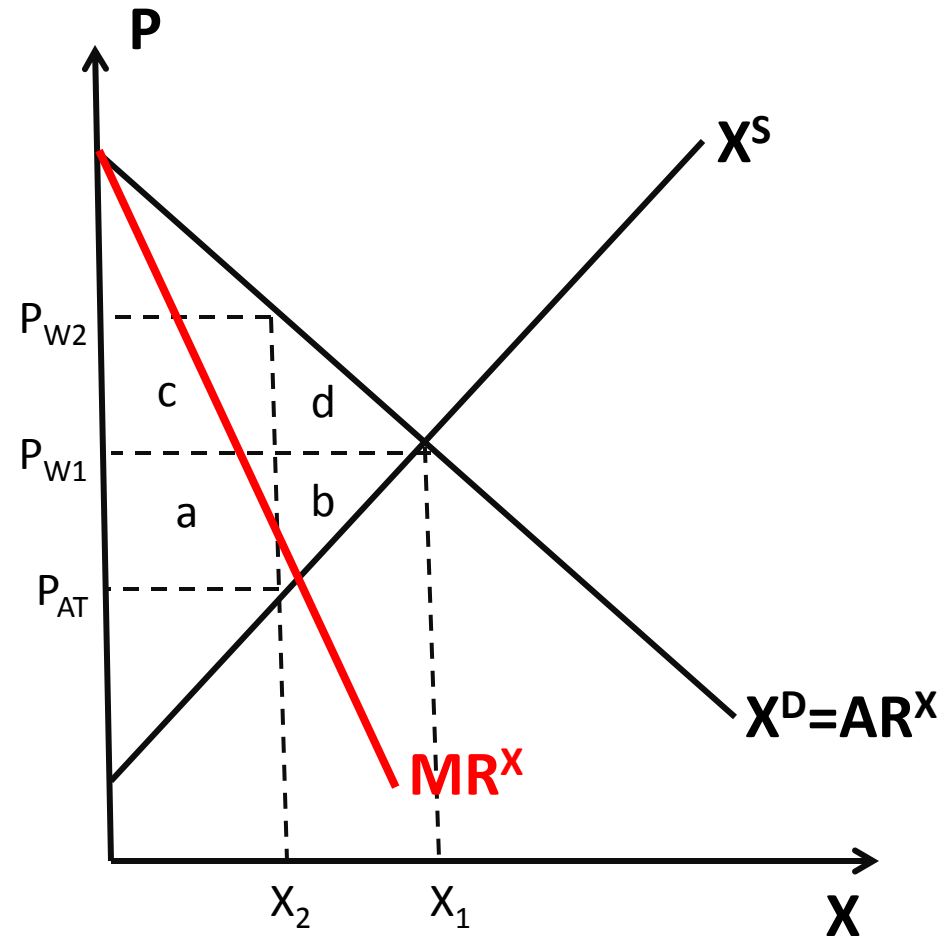
Thuế quan tối ưu (t^*)

- Tại t^* $MC^M = MB^M$
- Tổn thất của nhà nhập khẩu = I + II
- Số thu thuế = I + III
- Δ phúc lợi ròng trong nước = III - II = (abc)
- Δ phúc lợi ròng nước ngoài = -(III + IV)
- Δ phúc lợi thế giới = -(II + IV)



Trường hợp đi ngược thương mại tự do: thuế xuất khẩu tối ưu

- Với nước lớn, mức xuất khẩu càng cao (X) thì giá xuất khẩu trên thị trường thế giới càng thấp.
- Thuế xuất khẩu làm X giảm và tăng giá thế giới (P_W).
- Thặng dư nhà xuất khẩu giảm ($a+b$)
- Thặng dư nhà nhập khẩu giảm ($c+d$)
- Số thu thuế nhà nước tăng ($c+a$)
- Phúc lợi nước xuất khẩu cao hơn nếu ($c > b$)
- Thuế xuất khẩu tối ưu sẽ tối đa hóa được ($c-b$)
- Nhà xuất khẩu thu lợi từ tổn thất của nhà nhập khẩu



Thuế quan tối ưu và thuế xuất khẩu: Thực tế

- Cho ví dụ các nước áp dụng thuế quan tối ưu
- Nếu không, tại sao?
- Cho ví dụ các nước áp dụng thuế xuất khẩu tối ưu
- Ai và tại sao?
- Việt Nam áp dụng thuế hoặc hạn ngạch lên gạo xuất khẩu. Đó có phải là tình huống thuế tối ưu?

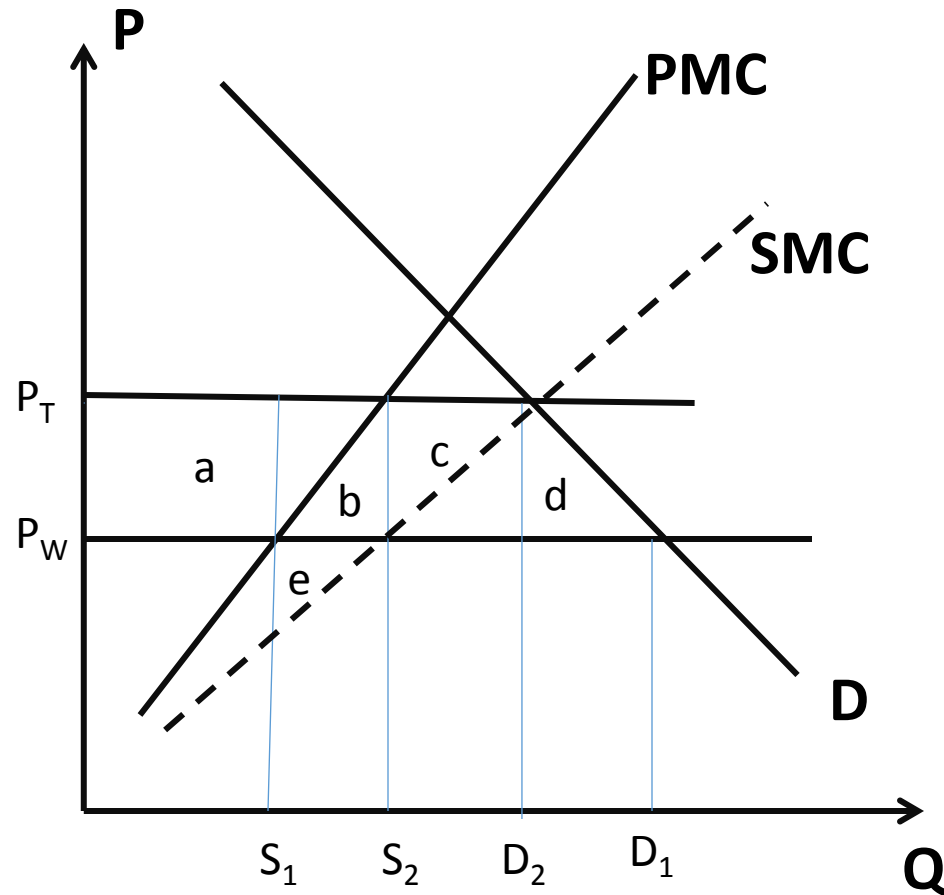
Thất bại thị trường trong nước: ngoại tác sản xuất tích cực (ví dụ đào tạo trên công việc)

Minh họa ngoại tác học hỏi trong đó chi phí sản xuất biên xã hội (SMC) là thấp hơn chi phí sản xuất biên tư nhân (PMC)

Sản lượng không bị chính phủ can thiệp là S_1 . Sản lượng tối ưu là S_2 . Tại S_1 có tổn thất xã hội tính bằng (e).

Nếu thuế quan được áp dụng ($=P_T - P_W$) sản lượng tăng lên S_2 và tiêu dùng giảm xuống D_2 . Tổn thất xã hội (e) bị loại bỏ nhưng hình thành biến dạng tiêu dùng (d). Phúc lợi có thể cao hơn (nếu $e > d$) hay thấp hơn (nếu $e < d$).

Trợ cấp sản xuất ở tỉ lệ s ($s = P_T - P_W$) sẽ làm tăng sản lượng lên S_2 , nhưng không có biến dạng tiêu dùng.

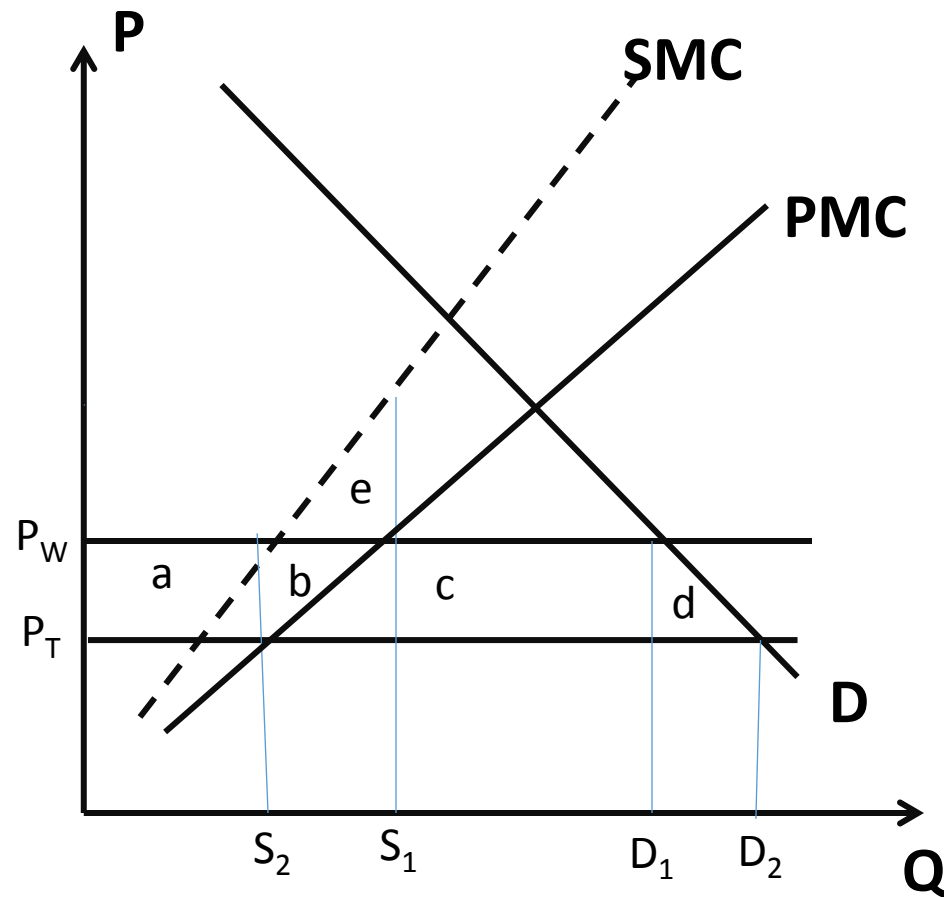


Thất bại thị trường trong nước: ngoại tác sản xuất tiêu cực (ví dụ ô nhiễm)

Minh họa ngoại tác sản xuất tiêu cực trong đó chi phí biên xã hội trong sản xuất (SMC) nằm trên chi phí biên tư nhân (PMC). Điều này có thể xảy ra khi doanh nghiệp gây ô nhiễm môi trường.

Sản lượng không có sự can thiệp của nhà nước là S_1 . Sản lượng tối ưu là S_2 . Tại S_1 có tổn thất xã hội tính bằng (e).

Nếu áp dụng trợ cấp nhập khẩu (s) ($s = P_W - P_T$) sản lượng giảm xuống S_2 và tiêu dùng tăng lên D_2 . Tổn thất xã hội (e) được loại bỏ nhưng lại hình thành biến dạng tiêu dùng (d). Phúc lợi có thể cao hơn (nếu $e > d$) hoặc thấp hơn (nếu $e < d$). Thuế sản xuất tỉ lệ ($= P_T - P_W$) sẽ làm giảm sản lượng xuống S_2 , nhưng không có biến dạng tiêu dùng.

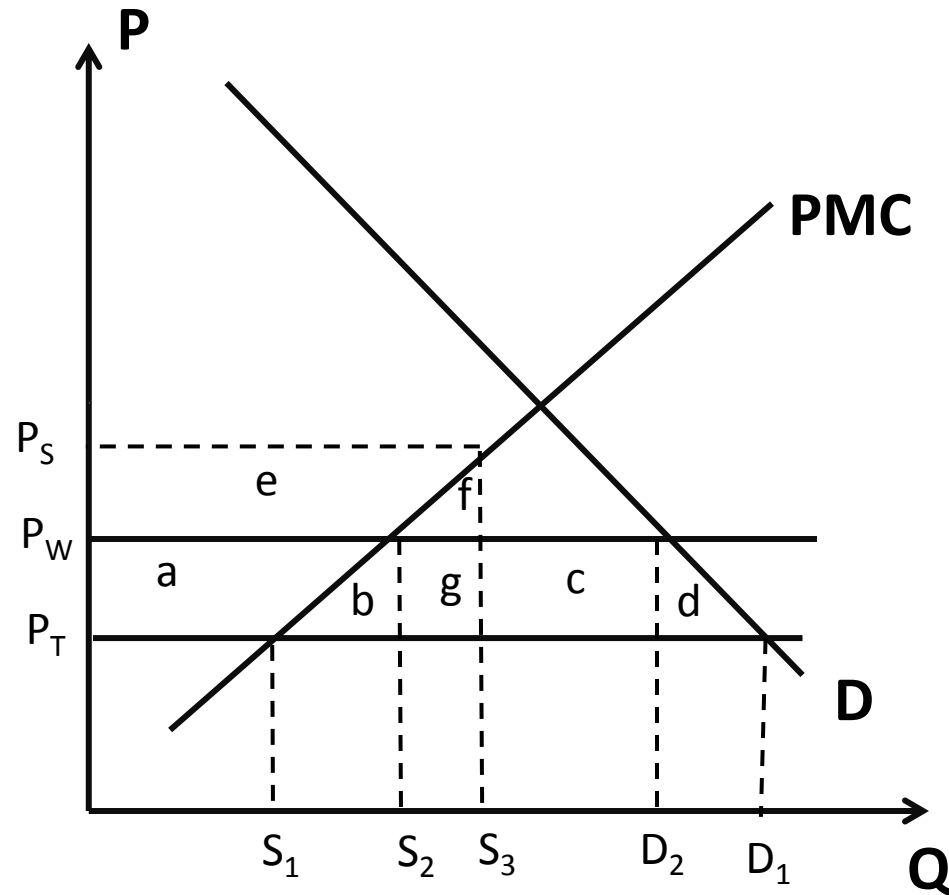


Mục tiêu phi kinh tế: Tự cung tự cấp (ví dụ giảm phụ thuộc xuất khẩu)

TCTC nhiều hơn nghĩa là có ít nhập khẩu hơn. biện pháp tốt nhất đầu tiên của mục tiêu này là gì. Lý thuyết tốt nhất thứ hai cho thấy cần có biện pháp chính sách thương mại (ví dụ thuế nhập khẩu). Nhưng có thể đạt mục tiêu thông qua trợ cấp sản xuất hay thuế tiêu dùng.

Nếu chính phủ sử dụng thuế thì chi phí giảm nhập khẩu là $b+d$, chính là tổn thất vô ích về phúc lợi do thuế gây ra.

Nhưng nếu chính phủ sử dụng trợ cấp sản xuất (không tác động lên tiêu dùng), thì chi phí là bgf , rõ ràng cao hơn $b+d$, phần chênh lệch là $(g+f)-d$.



Lý thuyết tốt nhất thứ hai áp dụng cho tự do hóa thương mại

Các nguyên tắc chủ đạo của các hệ thống thương mại quốc tế là:

1. MFN (qui chế tối huệ quốc), nghĩa là không có phân biệt đối xử giữa các nước
2. Có qua có lại (tôi giảm thuế nếu anh cũng giảm thuế)

Có ba cách để tự do hóa chính sách thương mại:

1. Đơn phương (MFN, không có qua lại)
2. Đa phương (MFN, có qua lại)
3. Khu vực hoặc song phương (không MFN, có qua lại)

Lý thuyết tốt thứ hai cho thấy chọn lựa đơn phương và/hoặc đa phương là tốt thứ nhất (tăng phúc lợi rõ rệt); tự do hóa thương mại khu vực là tốt nhất thứ hai, hay có thể tăng hoặc giảm phúc lợi.

Kết quả tự do hóa thương mại theo hướng tốt nhất thứ hai

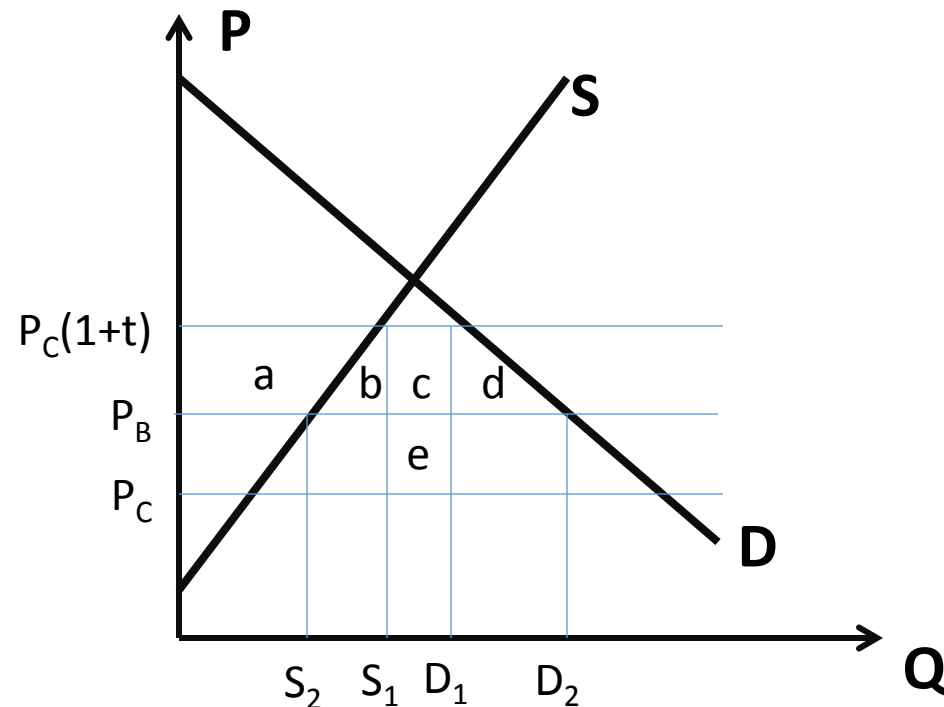
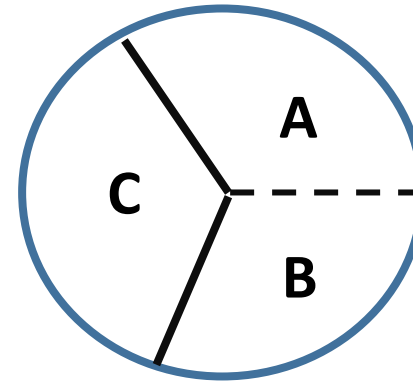
Ban đầu nước A nhập khẩu từ nhà cung ứng giá thấp nhất (C) và áp đặt biểu thuế quan chung (t).

Tại $P_C(1+t)$ cầu là D_1 và cung là S_1 . Nhập khẩu = $D_1 - S_1$.

A hình thành liên minh hải quan với B, trừ C. người tiêu dùng chuyển hàng nhập khẩu từ C sang B và được lợi $a+b+c+d$. Hàng nhập khẩu tăng từ $D_2 - S_2$.

Nhà sản xuất bị thiệt (a) và số thu thuế của chính phủ giảm (c+e).

Tác động phúc lợi ròng là chênh lệch giữa lợi ích từ sự hình thành thương mại ($b+d$) và tổn thất do hạn chế thương mại (e).



Tóm tắt hàm ý chính sách của Lý thuyết Tốt nhất thứ hai

Nếu không can thiệp là tối ưu (hay không có thất bại thị trường)

=> Thì can thiệp làm giảm phúc lợi

Nếu không can thiệp là chưa tối ưu (hay tồn tại thất bại thị trường)

=> Thì can thiệp làm tăng phúc lợi nếu (và chỉ nếu) công cụ này là Tốt nhất đầu tiên

=> Ngược lại (nếu công cụ là tốt nhất thứ hai) tác động phúc lợi là không rõ ràng

Nếu không can thiệp là tối ưu thì có tồn tại các mục tiêu phi kinh tế

=> Công cụ chính sách tốt nhất đầu tiên là chi phí thấp nhất

=> Công cụ chính sách tốt nhất thứ hai luôn tổn kém hơn

Nếu các chính sách làm giảm phúc lợi thì

=> Chính sách tốt nhất đầu tiên là bỏ chính sách này => phúc lợi cải thiện rõ rệt

=> Chính sách tốt nhất thứ hai là lại khắc phục bằng chính sách khác => tác động ròng không rõ



Cố vấn nhà vua phản ứng chính sách khi giá gạo thế giới tăng 50%

Chào mừng đến Vương quốc An Nam. Gạo là mặt hàng xuất khẩu chính của vương quốc này và là nhu yếu phẩm quan trọng trong khẩu phần ăn của người dân An Nam. Các ước tính kinh tế lượng về cung (S) và cầu (D) gạo trong nước là như sau:

$$S = 1.5 \cdot P$$

$$D = 50 - 0.5P$$

Vương quốc An Nam thương mại gạo theo giá thế giới. Từ lâu giá gạo thế giới (P) ổn định ở mức \$40/đơn vị, nhưng bất chợt xảy ra thiếu hụt gạo trên cả thế giới dẫn đến giá gạo tăng lên \$60/đơn vị. Kết quả tăng giá này là sự bùng nổ cho các nhà xuất khẩu gạo ở An Nam, nhưng là thiệt hại đối với người tiêu dùng. Quốc Vương An Nam lo ngại rằng giá gạo gia tăng sẽ dẫn đến những bất ổn trên khắp vương quốc. Cần phải làm gì đó để bảo vệ người tiêu dùng. Nhưng phải làm gì? Quốc Vương yêu cầu các cố vấn đưa ra khuyến nghị chính sách.

Công việc của các anh chị là đánh giá từng khuyến nghị và khuyên nhà vua nên chấp nhận khuyến nghị nào.

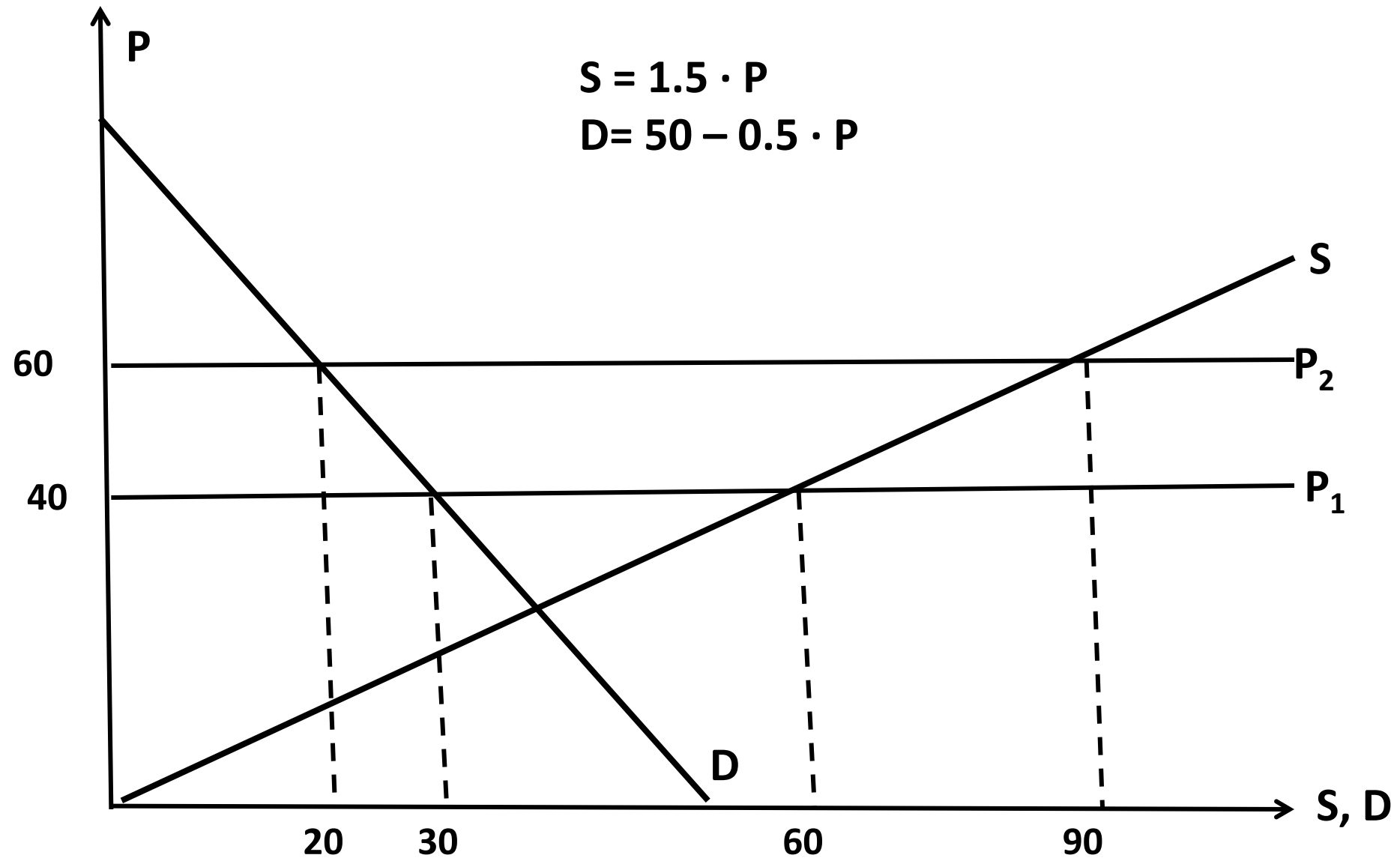
Cố vấn chính sách cho nhà vua

- Hoàng hậu An Nam, theo cách tiếp cận cứng rắn (dù một số người cho là vô tâm) chủ trương không có chính sách nào. Theo nhận định của hoàng hậu, Vương quốc sẽ tốt nếu không làm gì (“nếu họ không mua được gạo thì cứ để họ ăn bánh khoai mì”).
- Bộ trưởng tài chính đề xuất mức thuế sản xuất \$20/đơn vị cùng với khoản trợ cấp tiêu dùng \$20/đơn vị, với lập luận rằng chính sách này sẽ vừa bảo vệ người tiêu dùng vừa mang lại nguồn thu cho vương quốc.
- Bộ trưởng Thương mại đề suất hạn ngạch xuất khẩu ấn định ở mức xuất khẩu ban đầu trên cơ sở hạn ngạch sẽ duy trì giá gạo nội địa ở mức ban đầu (\$40).
- Bộ trưởng Nông nghiệp đồng ý với khoản trợ cấp \$20/đơn vị, nhưng phản đối thuế sản xuất với lập luận nó sẽ làm tăng chi phí thực của việc bảo vệ người tiêu dùng trước sự tăng giá.

**Các bạn có khuyến nghị gì?
Các bạn ủng hộ thành viên cố vấn nào?
(sử dụng lý thuyết Tốt nhất thứ hai làm cơ sở lập luận)**



What is the right rice export policy for the Kingdom of Annam?



What is the right rice export policy for the Kingdom of Annam

	Queen	MOF	MOT	MOA
	<i>Do nothing</i>	<i>Prod. tax + Cons. subsidy</i>	<i>Export quota</i>	<i>Cons. subsidy</i>
ΔPS	1500	0	600	1500
ΔCS	-500	0	0	0
ΔGR	0	600	0	-600
ΔNNW	1000	600	600	900

What is the Right Rice Export Policy for the Socialist Republic of Vietnam?

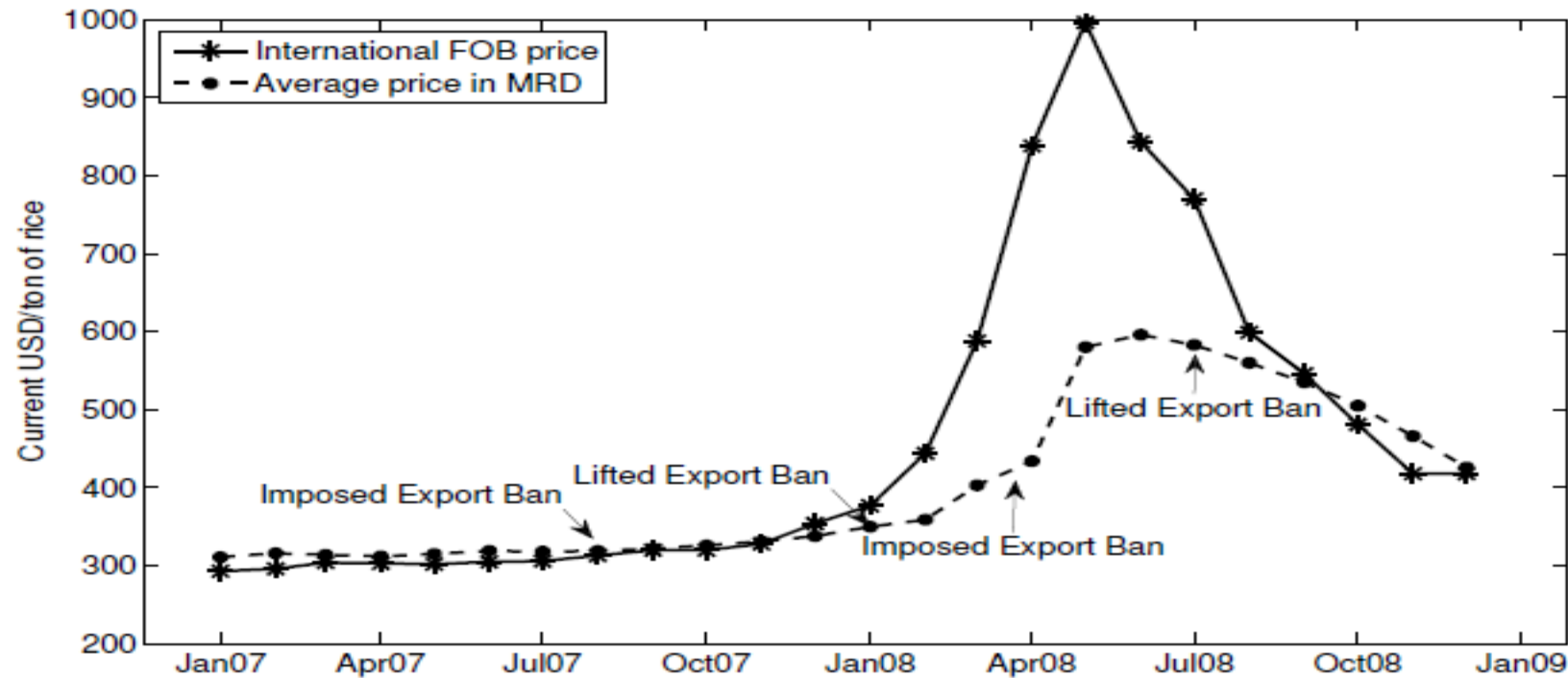
The role of rice in Vietnam:

- Vietnam is the world's 2nd largest rice exporter
- Vietnam accounts for 16% of world trade in rice
- 66% of rural household and 77% of the poorest quintile of households are rice producers
- Rice accounts for 33% of household expenditure among the poorest quintile of households

The role of government in the rice market:

- Two SOEs (Vinafood 1 and Vinafood 2) dominate domestic trade and exports of rice
- The government sets rice export targets (i.e. quotas) and can suspend or limit rice exports when it deems necessary.
- Just as in the Kingdom of Annam, Vietnam imposed bans on rice export in late 2007 and mid-2008 during a dramatic rise in world food prices (see figure).

Rice Export Bans in Vietnam



Data on retail rice prices of the MRD from General Statistics Office; data on FOB rice price of Vietnam from FAOSTAT Database, 2008.

Tom Kompas,, Pham Van Ha, Hoa Thi Minh Nguyen, Tuong Nhu Che, Bui Trinh. (2012). "Food Security and the Poor: Regional Eects of Rice Export Policy on Households in Vietnam," ANU, Crawford School Research Paper No. 12-14 December 2012

CGE Estimates of the Effects of Export Bans in VN

<i>Variable</i>	<i>Region</i>	<i>Free trade</i>	<i>Quota</i>
Rice Prices	Red River Delta	27.6	-7.3
	Mekong River Delta	34.2	-16.8
	Other regions (ave.)	26	-5.2
Wages	Red River Delta	4.9	-1.1
	Mekong River Delta	8.4	-1.3
	Other regions (ave.)	4.5	-1
Unskilled Employment	Red River Delta	1.4	0.6
	Mekong River Delta	5.2	1.73
	Other regions (ave.)	0.3	0.9
Skilled Employment	Red River Delta	-0.8	0.6
	Mekong River Delta	2.2	1.6
	Other regions (ave.)	-1.7	0.8

Source: Kompas, et. al. 2012

Categories	Percent of Households			Net Benefit Ratio (%)	
	% of all hh	Net Seller	Net Buyer	Free Trade	Quota
All	100.0	40.1	59.7	4.7	1.2
Urban	25.1	8.8	90.8	0.8	0.3
Rural	74.9	50.6	49.3	6.3	1.5
Red River Delta	21.2	55.2	44.8	4.0	0.7
North East	14.3	46.8	53.2	3.3	0.7
North West	4.7	35.8	64.2	1.7	2.5
North Central Coast	11.0	51.0	49.0	5.2	1.0
South Central Coast	9.3	44.3	55.3	2.6	0.2
Central Highlands	6.3	22.1	77.8	-0.3	2.3
South East	12.9	9.4	89.8	-0.2	1.0
Mekong River Delta	20.3	35.0	65.0	12.5	2.1
Poorest Quintile	19.0	48.3	51.7	4.8	2.4
2nd Quintile	19.7	55.1	44.8	7.0	1.5
3rd Quintile	20.6	51.1	48.9	6.5	1.3
4th Quintile	20.6	35.7	64.3	4.7	0.8
Richest Quintile	20.1	12.3	87.0	1.3	0.2
Skilled	56.3	34.0	65.7	4.0	1.0
Unskilled	43.8	46.6	53.4	5.8	1.5

Source: Kompas, et. al. 2012